

TT	Danh mục hàng hoá	Yêu cầu
1	Chủng loại xe	Ô tô quét đường
2	Nhãn hiệu xe	ISUZU
3	Model xe	JDF5070TSLQ6
4	Model chassis	-
5	Năm sản xuất	2025 - 2026
6	Chất lượng	Mới 100% , nhập khẩu nguyên chiếc đồng bộ
1. Thông số về kích thước, khối lượng		
7	Khối lượng bản thân	4.920 kg
8	Số người cho phép chở	02 người (130 kg)
9	Tải trọng cho phép	~ 2.250 kg
10	Khối lượng toàn bộ	~7.300 kg
11	Kích thước bao (DxRxC)	~ 6.280×2.030×2.850 mm
12	Chiều dài cơ sở	3.360 mm
13	Vết bánh xe trước/ sau	1.504/1.425 mm
14	Chiều dài đầu xe / đuôi xe	1.015/1.905 mm
15	Khoảng sáng gầm xe	190 mm (tính trên cầu sau)
16	Góc tiếp trước/ góc thoát sau	24° /16°
<i>Thông số kích thước, tải trọng thực tế được Cục Đăng kiểm Việt Nam chứng nhận</i>		
2. Thông số khả năng di chuyển		
17	Vận tốc lớn nhất	105 km/h
18	Khả năng leo dốc lớn nhất	30 độ
19	Bán kính quay vòng nhỏ nhất	6,9 m
20	Quãng đường phanh lớn nhất	≤ 10 m (Phanh ở tốc độ 30km/h)
21	Suất tiêu hao nhiên liệu	Thông số chỉ làm cơ sở tham khảo. Suất tiêu hao còn phụ thuộc vào điều kiện đường, kinh nghiệm vận hành của lái xe, tình trạng xe, chất lượng dầu,... ở tốc độ quét 8km/h
22	Suất tiêu hao nhiên liệu khi xe di chuyển	≤ 12 lít / 100 km
23	Suất tiêu hao nhiên liệu khi xe đang quét	6,2 lít/ h (hoặc 2,6 lít/ 10000 m ²)
3. Thông số động cơ, hệ thống truyền lực, phanh, lốp		
24	Model động cơ/nhà máy sản xuất. Công suất lớn nhất động cơ/ tốc độ quay(tiêu chuẩn khí thải) Dung tích xy lanh	4KH1 CN6LB/ISUZU 88 kW/2.900 vòng/ phút (Euro 6) 2.999 cm ³
25	Loại động cơ	Diesel 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng, turbo tăng áp, làm mát bằng nước
26	Ly hợp	Một đĩa lò xo ma sát khô

27	Hộp số	Loại MSB5M Đồng tốc, 05 số tiến, 01 số lùi
28	Cầu xe trước/ sau	Cầu trước dẫn hướng Cầu sau chủ động (Loại cầu nổi hoàn toàn, ăn khớp bánh răng côn)
29	Lốp trước/sau	7.00R16 14PR (7.00 - 16 14PR)
30	Hệ thống phanh	Phanh thủy lực 2 dòng, trợ lực chân không
4. Các thiết bị đi kèm		
31	Nội thất và phụ tùng kèm theo	Cabin cố định, Có trợ lực tay lái, điều hoà không khí, radio - casset, lốp dự phòng, dụng cụ đồ nghề tiêu chuẩn của nhà sản xuất
32	Điều kiện bảo hành	Xe được bảo hành miễn phí toàn bộ trong thời gian 12 tháng đầu hoặc 20.000 km đầu tiên (tùy theo điều kiện nào đến trước kể từ ngày bàn giao xe).

C. THÔNG SỐ HỆ THỐNG CHUYÊN DÙNG QUÉT HÚT RÁC

I. Thông số thùng chuyên dùng quét hút rác	
1. Khả năng quét	
Bề rộng dải quét Max	2,8÷3,2 m
Tốc độ quét	3÷20 (km/h)
Năng suất quét	70.000 (m ² /h)
Kích thước rác lớn nhất	Tỷ trọng 2g/cm ³ có đường kính tương đương 110 mm
Góc xả ben	≥ 42 độ
Dung tích tổng thể thùng chứa rác	4,5 m ³
Dung tích təc nước	1200 lít
2. Động cơ phụ	
Model và nhà sản xuất	Động cơ YCD4N23TB-102 loại diesel 4 kỳ, phun nhiên liệu trực tiếp, làm mát bằng nước hiệu Yuchai
Công suất lớn nhất/ số vòng quay	75kw/2600/vòng/phút
Loại nhiên liệu	Diesel dùng chung thùng nhiên liệu 100 lít với động cơ chính
3. Buồng hút	
Quạt hút	Loại quạt ly tâm áp suất cao
Loại truyền động	Truyền động trực tiếp từ động cơ phụ tới quạt hút thông qua ly hợp tự động và dây curoa thang
4. Cơ cấu quét	
Loại	Bốn chổi xoay được bố trí ở khoảng giữa 2 trục xe, đối xứng 2 bên hông xe, truyền động nhờ motor thủy lực
Đường kính chổi	φ700 mm
Tốc độ chổi	Nhanh: 110 v/p. Chậm: 60 v/p
Điều chỉnh góc nghiêng chổi tạo áp lực lên bề mặt đường	Theo trục dọc xe 4~6°. Theo trục ngang xe 2~4°

5. Miệng hút	
Loại miệng hút	Miệng hút nhựa dẻo hoặc cao su có bánh lăn đỡ, liên kết ống cao su có thể co/giãn
Đường kính ống	φ200 mm
Khe hở miệng hút với mặt đường làm việc hiệu quả	5~10mm
6. Hệ thống thủy lực điều khiển cơ cấu chấp hành	
Loại	Mạch hở, điều khiển điện thủy lực, bộ điều khiển trung tâm
Các chi tiết thủy lực chính	Bơm bánh răng, motor thủy lực, xi lanh thủy lực, van điện từ, van phân phối, bơm tay...
Áp suất	14 Mpa
Loại dầu thủy lực	Loại dầu N68
Dung tích thùng dầu thủy lực	60 lít
7. Hệ thống phun nước	
Loại	Bơm điện, lọc nước, béc phun, téc nước...
Hình thức phun nước dập bụi	Phun sương tại các pép phun phía trước và các vị trí chổi quét hai bên hông xe
8. Hệ thống điện	
Mạch điện	Mạch điện trên xe cỡ nhỏ, mạch điều khiển cho động cơ phụ và các bộ phận làm việc khác. Tất cả được cấp nhờ ắc quy chính.
Điện áp	12 V
Ắc quy	12 V-80 A.H
II. Nguyên lý hoạt động, vận hành	
Nguyên lý hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống quét đường vận hành thông qua động cơ phụ lắp phía sau xe hoạt động độc lập với động cơ chính của xe. - Động cơ phụ dẫn động quạt hút, motor thủy lực và bơm nước.
Vận hành quét đường	<ul style="list-style-type: none"> - Động cơ phụ dẫn động quạt hút thông qua bộ ly hợp tự động đóng, ngắt khi khởi động và dừng động cơ. - Quạt hút tạo lực hút chân không trong thùng để hút rác, bụi bẩn, cát, đá thông qua miệng hút phía sau xe. - Hệ thống chổi quét gồm 04 bộ chổi xoay bố trí đối xứng ở giữa xe và một miệng hút ở phía sau để dễ dàng quét rác, bụi bẩn, cát, đá ở cả hai bên, đây là thiết kế tối ưu nâng cao hiệu quả sử dụng của xe và được sử dụng phổ biến ở Trung Quốc. - Khi quét đường hệ thống chổi quét hạ thấp xuống mặt đường bằng xilanh thủy lực, sau đó motor thủy lực dẫn động xoay chổi lùa rác, bụi bẩn, cát, đá ở cả hai bên vào phía trong miệng hút đặt ở phía sau giữa xe để hút lên thùng.

	<ul style="list-style-type: none"> - Tại vị trí các chổi quét có gắn hệ thống béc phun để phun nước làm ẩm bề mặt đường và không khí làm giảm phát tán bụi bắn ra môi trường xung quanh.
Vận hành xả rác	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng, mở nắp thùng phía sau xe bằng xi lanh thủy lực. - Nâng, hạ thùng chứa rác để đổ rác bằng xi lanh thủy lực.